TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày: 23/02/2023

V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Nhan;
2. Ông Đoàn Văn Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Bùi Văn S, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Phan Văn D, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: ấp N, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: ông Lê Văn H, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: ấp N1, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Lê Xuân L, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: ấp N1, xã T1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Bà L yêu cầu giải quyết vắng mặt; các đương sự khác có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 4 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Phan Văn D trình bày:

Từ năm 2015 – năm 2019, ông S có bán thức ăn chăn nuôi heo cho ông H, bà L

với hình thức là bao chuồng, bán heo mới trả tiền thức ăn nuôi heo. Đến năm 2019, hai bên kết thúc làm ăn với nhau do ông H không thanh toán cho ông S đúng hạn cho mỗi lần bán heo. Ngày 22/8/2020, ông S với ông H tổng kết nợ, ông H xác nhận còn nợ của ông S số tiền thức ăn chăn nuôi heo là 450.429.000 đồng. Từ năm 2020 đến nay, ông S nhiều lần đòi nợ nhưng ông H chỉ hứa không trả nợ.

Nay, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà L có trách nhiệm liên đới trả cho ông S số tiền nợ 450.429.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Năm 2016, dịch bệnh dịch tả Châu Phi trên heo nên heo ông nuôi bị chết. Lúc đó ông có yêu cầu ông S quay phim, chụp hình để làm căn cứ báo cho công ty hỗ trợ nhưng ông S không làm được. Đến cuối năm 2019, dịch bệnh dịch tả Châu Phi trên đàn heo của ông bị lại một lần nữa, không còn khả năng nên ông nghỉ không nuôi heo đến nay. Ngày 22/8/2020, ông S với ông tổng kết nợ, ông H xác nhận còn nợ của ông S số tiền thức ăn chăn nuôi heo là 450.429.000 đồng đến nay chưa trả do không có khả năng trả. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông S yêu cầu ông trả số tiền nợ nêu trên ông đồng ý.

Bà Nguyễn Lê Xuân L là vợ sau của ông H. Ông H, bà L đăng ký kết hôn vào khoảng năm 1995 – 1996. Hiện nay, ông bà vẫn đang sống chung và vẫn là vợ chồng. Chi phí sinh hoạt trong gia đình là của chồng công vợ cùng đóng góp cùng lo trang trải cuộc sống. Ông H nuôi heo còn bà L buôn bán. Ông H nuôi heo từ năm 2008 đến năm 2010 mở rộng dần và đến năm 2015 quy mô đàn heo ông nuôi thành trang trại. Đến năm 2016 chuẩn bị có lợi nhuận thì dịch bệnh xảy ra nên mới mắc nợ. Thu nhập có được từ việc chăn nuôi này ông đầu tư vào việc chăn nuôi, con giống, chuồng trại. Chi phí sinh hoạt trong gia đình từ nhiều nguồn như mua bán nhỏ, thu nhập hoa lợi từ vườn. Ông S yêu cầu bà L cùng với ông liên đới trả nợ ông không đồng ý, vì số nợ này là nợ riêng của ông. Kể từ khi ông nghỉ nuôi heo đến nay chi phí sinh hoạt trong gia đình bà L lo.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lê Xuân L trình bày:

Ông S yêu cầu bà L cùng có trách nhiệm liên đới với ông H trả nợ số tiền 450.429.000 đồng bà không đồng ý, vì vợ chồng bà làm ăn riêng từ trước đến nay không có làm ăn chung. Hiện nay, bà với ông H vẫn đang là vợ chồng nhưng buôn bán thì buôn bán riêng. Chi phí sinh hoạt trong gia đình do bà L lo từ nguồn tiền mua bán của bà L. Bà L bán đồ ăn sáng từ sáng thu nhập từ việc buôn bán này trung bình khoảng 100.000 đồng/ngày, khoảng 3.000.000 đồng/tháng, từ trước đến nay thu nhập như vậy. Việc chăn nuôi của ông H, bà không biết và cũng không phụ giúp chăn nuôi. Ăn uống, chi phí trong gia đình từ trước đến nay bà là người lo. Tiền thu nhập từ việc chăn nuôi của ông H ông H dùng làm gì bà không biết, tiền bạc đối với vợ chồng bà rạch ròi không sử dụng chung.

Do bà không có liên quan gì trong vụ kiện này nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, không có khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, anh D, đại diện cho ông S, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Ông H vẫn

giữ nguyên trình bày trước đây không thay đổi. Ông H thừa nhận thu nhập của vợ chồng ông cùng góp vào để sử dụng chi phí sinh hoạt trong gia đình. Trường hợp nếu việc chăn nuôi có lãi sẽ sử dụng để lo cho gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên toà Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 29, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 430, 440 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn S; buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Lê Xuân L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Sao số tiền còn nợ là 450.429.000 đồng. Ghi nhận ông S không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 06/4/2022, ông Bùi Văn S khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu giải quyết buộc ông H, bà L có trách nhiệm liên đới trả cho ông S số tiền nợ 450.429.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430 Bộ luật dân sự. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lê Xuân L có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] *Đối với yêu cầu của ông S yêu cầu ông H, bà L trả số tiền 450.429.000 đồng:*

Theo anh D, đại diện cho ông S trình bày, từ năm 2015 - 2019, ông S có hợp đồng miệng bán thức ăn chăn nuôi heo với ông H, bà L để chăn nuôi heo phát triển kinh tế gia đình. Hai bên thỏa thuận khi bán heo thì ông H trả tiền cho ông S theo từng lần bán. Đến năm 2019, do ông H, bà L không thanh toán tiền thức ăn chăn nuôi cho ông S theo thỏa thuận. Hai bên kết thúc việc làm ăn với nhau. Ngày 22/8/2020, hai bên tổng kết nợ, ông H, bà L còn nợ ông S số tiền 450.429.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông S là "Giấy xác nhận nợ".

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, ông H xác định có nợ của ông S số tiền 450.429.000 đồng. Ông H đồng ý trả cho ông S số tiền nợ nêu trên nhưng không đồng

ý yêu cầu của ông S yêu cầu bà L cùng với ông liên đới trả nợ, vì số nợ này là nợ riêng của ông. Ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Xét thấy, tại bản tự khai ngày 25/11/2022, biên bản hòa giải ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông H thừa nhận có nợ của ông Bùi Văn S số tiền thức ăn nuôi heo là 450.429.000 đồng. Lời thừa nhận của ông H là chứng cứ ông S không cần phải chứng minh. Yêu cầu của ông S yêu cầu H trả cho ông số tiền 450.429.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Cần buộc ông H có trách nhiệm trả lại cho ông S số tiền 450.429.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

Ông S không yêu cầu tính lãi nên được ghi nhận.

Ông S yêu cầu bà L, là vợ của ông H, có trách nhiệm liên đới cùng trả cho ông số tiền nợ nêu trên. Đối với yêu cầu của ông S, bà L không đồng ý vì vợ chồng bà làm ăn riêng từ trước đến nay không có làm ăn chung. Tiền thu nhập từ việc chăn nuôi của ông H, ông H dùng làm gì bà không biết, tiền bạc đối với vợ chồng bà rạch ròi không sử dụng chung. Ông H cũng cho rằng số nợ nêu trên là nợ riêng của ông nên không đồng ý bà L liên đới với ông trả nợ cho ông S. Xét thấy, mặc dù ông H, bà L có ý kiến như vừa nêu nhưng tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc ông H trình bày: "Chi phí sinh hoạt trong gia đình (ông H) là của chồng công vợ cùng đóng góp cùng lo trang trải cuộc sống. Ông H nuôi heo còn bà L buôn bán". Tại phiên tòa, ông H thừa nhận thu nhập của vợ chồng ông cùng góp lại để sử dụng chi phí sinh hoạt trong gia đình. Như vậy có căn cứ xác định, ông H với bà L mỗi người mỗi việc nhưng cùng đóng góp để cùng lo trang trải cuộc sống gia đình. Các khoản thu nhập, chi phí sinh hoạt của gia đình ông H, bà L không phân định rạch ròi và cũng không có chứng cứ chứng minh. Ông H, bà L thừa nhận đến nay ông bà vẫn là vợ chồng và đang sống chung với nhau. Ông H, bà L trình bày những lý do nêu trên để bà L không có nghĩa vụ cùng ông H trả nợ cho ông S cũng không thể phủ nhận trách nhiệm liên đới của bà L trong vụ việc này. Cần buộc bà L có trách nhiệm liên đới với ông H để trả nợ cho ông S số tiền nợ 450.429.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] *Về án phí:* ông H, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 22.017.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 430 Bộ luật dân sự; Điều 27, 30 và 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Văn H với bà Nguyễn Lê Xuân L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Bùi Văn S số tiền nợ là 450.429.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn đồng).

Ghi nhận ông Bùi Văn S không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí: ông Lê Văn H với bà Nguyễn Lê Xuân L phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 22.017.000đ (Hai mươi hai triệu không trăm mười bảy ngàn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung